

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04-01-2021
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Na Rinh
2. Ông Trương Văn Mên

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn X, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K T trình bày: Chị và anh Trần Văn X tự nguyện xác lập hôn nhân năm 2002, cùng đi đăng ký kết hôn quá hạn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C vào ngày 23/01/2007. Vợ chồng chung sống đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh X ghen tuông, thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị, do không chịu đựng được việc bạo hành gia đình nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột từ cuối năm 2007 không còn sống chung với anh X đến nay nhưng không liên lạc, không gặp nhau, không có giải pháp nào để đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh X. Về con chung là Trần Văn H,

sinh ngày 10/7/2002 đã thành niên, chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Văn X vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Những tình tiết các bên đương sự thống nhất với nhau:

- *Về hôn nhân:* Chị T và anh X xác lập hôn nhân vào năm 2002 đến ngày 23/01/2007 vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chị T và anh X đều có nguyện vọng xin được ly hôn với nhau.

- *Về con chung:* Chị T và anh X chung sống có 01 người con chung tên Trần Văn H, sinh ngày 10/7/2002, hiện tại đã thành niên nên anh, chị không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị T và anh X không tranh chấp, không khởi kiện.

Các bên đương sự không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn:

- *Chị T khai:* Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh X ghen tuông, thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị, do không chịu đựng được việc anh X bạo hành gia đình nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ đó tình cảm vợ chồng không còn.

- *Anh X khai:* Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhau về lối sống, chi tiêu tiền bạc trong sinh hoạt, Chị T không chung thủy với anh, vợ chồng không còn sống chung khoảng 13 năm, nay anh thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn lại được.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật, thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Chị T, xử cho Chị T được ly hôn với anh X, về con chung của anh chị là Trần Văn H, sinh ngày 10/7/2002 đã thành niên và đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết, về án phí buộc Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Trần Văn X đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a

khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị Nguyễn Thị K T khởi kiện anh Trần Văn X yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh X, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn X vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa nhưng có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh X theo quy định của pháp luật.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị Nguyễn Thị K T và anh Trần Văn X xác lập hôn nhân năm 2002, anh chị cùng đi đăng ký kết hôn vào ngày 23/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, Chị T khai quá trình chung sống đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh X ghen tuông, thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị, do không chịu đựng được việc chồng bạo hành nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, từ đó chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh X. Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 03/11/2020 anh X khai nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhau về lối sống, chi tiêu tiền bạc trong sinh hoạt, Chị T không chung thủy với anh, vợ chồng không còn sống chung khoảng 13 năm nhưng không có giải pháp đoàn tụ với nhau, anh thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn lại được và đồng ý ly hôn với Chị T.

Xét thấy khi mâu thuẫn xảy ra, Chị T và anh X đều bỏ mặt nhau, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, mạnh ai nấy sống, không còn sống chung từ năm 2007 đến nay khoảng 13 năm, anh chị không gặp nhau để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, lời khai của Chị T và anh X đều xác định tình cảm không còn, vợ chồng không đoàn tụ chung sống trở lại được và đều có yêu cầu xin được ly hôn với nhau. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn giữa Chị T và anh X là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Chị T, xử cho Chị T được ly hôn với anh X là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về nuôi con*: Xét thấy Chị T và anh X chung sống có 01 người con tên là Trần Văn H, sinh ngày 10/7/2002 đã thành niên, Chị T và anh X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả*: Chị T và anh X không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị K T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Xét lời trình bày của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình,

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị K T.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị K T được ly hôn với anh Trần Văn X.

- *Về án phí:* Buộc chị Nguyễn Thị K T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002685 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã M, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Đăng